| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LAI VUNG**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Cao Diễm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Nguyễn Chí Công;

Nguyễn Phát Triển.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13/12/2023 "V/v Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1996. Địa chỉ: khu phố 2, phường Tam Phú, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Trần Q - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Q tự tìm hiểu quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, thường xuyên cự cải không cùng tiếng nói, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt chị M nhận thấy tình cảm không còn nữa nay chị M xin được ly hôn với Trần Q.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn Trần Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Q và chị M tự tìm hiểu quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, thường xuyên cự cải không cùng tiếng nói nên anh Q đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa Nguyễn Thị T và Trần Q theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị T; Trần Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[[2] Về hôn nhân: Nguyễn Thị T và Trần Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống giữa Nguyễn Thị T và Trần Q phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cải, không quan tâm lẫn nhau, không hạnh phúc nay Nguyễn Thị T và Trần Q cùng đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản và nợ chung: Nguyễn Thị T và Trần Q không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Thị T và Trần Q cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001340, ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/02/2024). Đối với nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**Nguyễn Cao Diễm**